TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 26, 24/06 – 28/06/2024

Tâm lý chán nản, dòng tiền rút khỏi nhóm vốn hóa lớn

Tiêu điểm:

- Nhà nước (NHNN) đề nghị các tổ chức tín dụng nỗ lực phấn đấu giảm 1-2%/năm lãi suất cho vay, phấn đấu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đến hết quý II ở mức 5-6%
- Thêm loạt ngân hàng tăng lãi suất tiết kiệm trong tháng 6: Nhiều nhà băng trả lãi trên 6%/năm.
- Theo cập nhật từ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), nhà điều hành đã bán ra 350 triệu USD trong phiên ngày 24/6 và 600 triệu USD trong phiên ngày 25/6. Luỹ kế từ cuối tháng 4 đến nay, NHNN đã bán ra khoảng 5.5 tỷ USD ở vùng giá 25,450.

Đánh giá: Thị trường chịu áp lực giảm mạnh trước nhiều thông tin kém tích cực ảnh hưởng nhóm ngân hàng. Với việc giảm lãi suất cho vay và tăng lãi suất tiết kiệm, NIM của hệ thống ngân hàng đang chịu áp lực bị thu hẹp trong thời gian tới. Ngoài ra, NHNN tiếp tục bán USD để hỗ trợ tỷ giá tiếp tục góp phần gây nên tâm lý chán nản cho nhiều nhà đầu tư cá nhân.

Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX có một tuần giao dịch khá chán nản khi giảm liên tục suốt tuần qua. Chốt tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1,245.3 (-36.7 điểm, -2.86%) với thanh khoản thấp. Khối ngoại vẫn duy trì lực bán trung bình mỗi phiên khoảng 1,000 tỷ đồng. Thị trường chính thức thủng 1,250 và được kì vọng sẽ tiếp tục test lại vùng 1,200 – 1,240 tương ứng với EMA 50 và EMA 20 trên đồ thị tuần. Lực bán được kì vọng sẽ vẫn tiếp diễn khi các chỉ báo kĩ thuật vẫn chưa vào vùng quá bán.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư cần chờ đợi thêm vì khả năng áp lực bán vẫn còn. Nhóm cổ phiếu nào giữ được EMA 50 và xu hướng tăng sẽ là cổ phiếu được dòng tiền tập trung khi thị trường quay lại xu hướng tăng. Kì vọng nhóm cổ phiếu: bất động sản, bảo hiểm sẽ được hưởng lợi trong thời gian tới.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,245	-2.9	-2.8	-3.5	10.2		15.8	1.8	202
Upcom Index	98	-3.0	2.0	6.6	12.1		12.6	1.3	67
HNX Index	238	-2.8	-3.3	-2.6	2.8		17.1	1.2	12
VN30 Index	1,278	-3.2	-1.6	-1.9	13.0		12.4	1.7	138
S&P 500 Index	5,483	0.3	3.3	4.3	14.9		25.7	5.0	48,021
STOXX Europe 600 Index	513	-0.4	-1.1	0.1	7.2		15.4	2.1	14,440
Hang Seng	17,747	-1.6	-5.7	7.3	4.1		9.9	1.0	2,687
Nikkei 225	39,583	2.6	1.9	-1.5	18.3		25.2	2.1	4,495
SHCOMP Index	2,967	-1.0	-4.6	-1.4	-0.3		13.9	1.2	6,221
STI Index	3,334	0.8	0.1	3.4	2.9		12.2	1.1	372
KOSPI Index	2,798	0.5	2.8	1.9	5.4		16.5	1.0	1,596

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	3M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Thay đổi GTGD YTD	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.8	-2.9	-3.2	11.4	-16.4	-12.9	-12.5	-13.2	76.6	-1.0	13.6	1.7	4,487,498
Mid Cap	-2.2	-0.4	1.5	15.7	-12.2	-17.4	-0.2	2.1	21.9	0.8	21.0	1.2	532,388
Small Cap	-2.5	-0.2	-2.5	-1.8	-3.6	-11.4	12.0	8.0	1.5	0.2	95.2	0.7	64,091

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Thay đổi GTGD YTD	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Bảo hiểm	1.2	-1.8	8.7	17.4	28.7	-1.0	53.2	83.6	0.5	0.2	15.1	1.5	47,843
Ô tô & Phụ tùng	-0.8	4.5	10.2	22.4	54.3	76.4	84.9	108.7	1.1	0.5	18.4	1.3	17,890
Bất động sản	-1.0	-5.5	-10.8	-4.3	-13.7	-17.9	-30.4	-32.5	14.6	0.3	15.5	1.1	718,083
Thực phẩm và đồ uống	-1.1	-1.4	0.8	3.2	-20.5	-22.4	-16.8	-12.6	8.3	-0.5	22.8	2.3	440,080
Truyền thông	-1.2	-1.7	-11.1	-22.1	-17.6	-42.2	-28.7	-35.8	0.1	0.0	22.7	0.9	1,667
Tiện ích	-1.2	-0.6	2.2	8.7	-7.8	-23.0	17.5	42.3	2.4	0.2	20.5	2.0	323,125
Bán lẻ	-2.0	2.1	16.2	43.1	-3.2	-11.0	-18.1	-10.7	4.1	0.5	91.2	3.7	133,177
Dược và Y tế	-2.0	0.5	0.1	8.7	-20.7	25.8	80.8	118.6	0.4	0.0	15.6	2.0	37,454
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.5	0.5	0.0	16.9	-9.6	-19.4	-1.4	15.3	1.9	0.1	15.5	1.9	62,373
Tài nguyên cơ bản	-3.1	-1.9	2.1	10.4	-16.0	-3.2	7.3	-0.1	7.8	-0.1	22.6	1.6	232,130
Hóa chất	-3.2	-3.9	1.5	39.8	-13.2	-5.1	19.1	31.4	7.2	0.2	28.9	2.1	246,412
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-3.3	-0.5	2.9	24.0	-26.5	-20.7	-2.7	6.4	7.5	-1.1	15.6	1.5	161,586
Ngân hàng	-3.4	-4.1	-7.8	11.1	-22.5	-20.7	-17.6	-20.4	18.1	-1.7	9.4	1.5	1,911,342
Du lịch và Giải trí	-3.5	7.0	45.0	45.6	-14.0	6.6	30.0	86.5	1.8	0.0	n.a	14.5	140,548
Dầu khí	-4.6	-3.8	4.0	14.1	-5.6	-25.7	-29.0	-23.5	1.0	0.1	6.9	2.2	67,977
Xây dựng và vật liệu	-4.6	-3.1	-6.4	3.2	-11.5	-13.2	-8.7	-23.2	4.8	0.2	20.2	1.2	131,026
Công nghệ Thông tin	-4.9	8.5	29.1	53.1	9.4	25.3	94.6	165.8	8.3	1.9	29.1	4.8	210,190
Tài chính	-5.4	-6.9	-11.1	8.1	-20.7	-21.3	-29.0	-36.8	10.4	-0.7	18.7	1.6	195,890

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,010**	-32.2	-150.9	-274.8	-497.3
Nước ngoài	**2,082**	-40.4	-139.1	-186.0	-239.8
VanEck Vectors Vietnam ETF	496	0.0	-5.2	-5.2	65.5
Fubon FTSE Vietnam ETF	724	-5.3	-48.7	-81.0	-33.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	330	-33.1	-80.7	-105.8	-293.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	298	-1.9	-8.9	-16.2	25.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	213	0.0	4.4	25.1	1.8
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	-3.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**927**	8.2	-11.8	-88.8	-257.5
DCVFMVN Diamond ETF	554	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	279	7.0	-5.3	-33.4	-102.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	55	1.3	-6.3	-53.9	-153.3
MAFN VN30 ETF	24	-0.1	-0.3	-0.5	-2.0
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	-1.1	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.1	2.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	4,960	-3,356	-3,356
Ấn độ	580	1,996	-2,124	-766
Indonesia	136	14	-2,007	-321
Nhật Bản*	-535	-2,238	27,479	37,884
Maylaysia	-104	-40	-14	-200
Philippines	-7	-111	-697	-534
Hàn Quốc	290	3,759	4,877	17,066
Sri Lanka	1	-3	-4	-29
Đài Loan	-2,625	1,341	-779	3,950
Thái Lan	-167	-879	-1,226	-3,160
Việt Nam	-74	-529	-1,241	-1,642

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

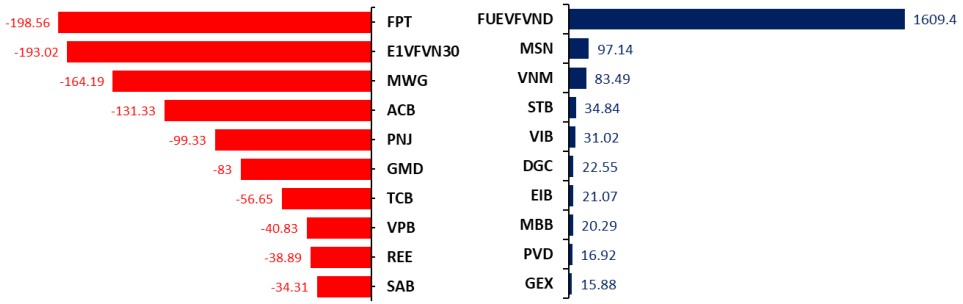
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

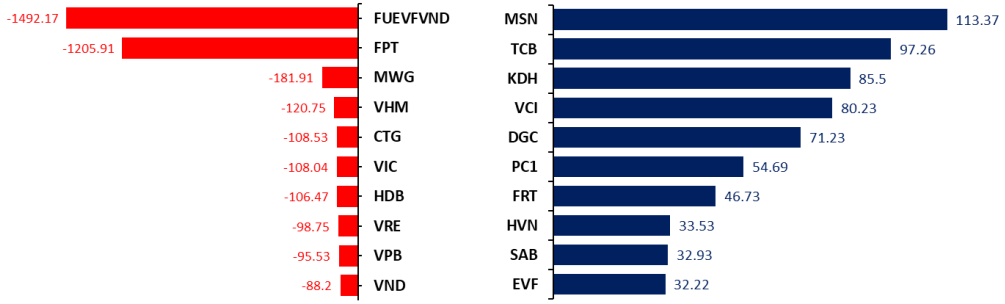
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-24	-346	443	-97
Tài nguyên Cơ bản	13	-29	177	-148
Truyền thông	0	1	0	-1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-95	28	-189	161
Y tế	-1	1	-5	3
Hóa chất	5	10	-186	176
Dịch vụ tài chính	1,390	-1,520	-43	1,564
Du lịch và Giải trí	0	15	-27	12
Ngân hàng	-171	-304	270	34
Xây dựng và Vật liệu	8	63	10	-72
Thực phẩm và đồ uống	154	65	26	-92
Bán lẻ	-172	-108	352	-243
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9	-56	44	12
Hàng cá nhân & Gia dụng	-101	19	8	-27
Công nghệ Thông tin	-198	-1,231	1,775	-545
Ô tô và phụ tùng	0	-8	34	-26
Bảo hiểm	-5	22	-12	-10
Dầu khí	18	4	-17	13
Tổng	830	-3,375	2,661	714

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ICT	Công nghệ Thông tin	10.80 - 20.05	15.6	-18.4%
2	ELC	Công nghệ Thông tin	9.46 - 30.50	24.2	-16.9%
3	NHA	Xây dựng và Vật liệu	13.60 - 33.40	27.2	-16.6%
4	VIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.20 - 17.25	13.0	-14.5%
5	CMG	Công nghệ Thông tin	32.41 - 74.60	61.0	-13.6%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
20.5%	10.0	7.80 - 10.50	Du lịch và Giải trí	VNG
19.4%	34.5	24.60 - 48.00	Ô tô và phụ tùng	SVC
17.0%	6.1	3.49 - 7.90	Xây dựng và Vật liệu	DXV
16.9%	20.5	11.55 - 20.45	Ô tô và phụ tùng	HTL
14.0%	6.1	11.09 - 19.60	Tài nguyên Cơ bản	SAV

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ATS	Du lịch và Giải trí	7.60 - 19.90	12.1	-25.3%
2	ONE	Công nghệ Thông tin	5.10 - 9.80	6.8	-24.4%
3	VTC	Công nghệ Thông tin	8.00 - 15.90	11.2	-20.6%
4	CMC	Ô tô và phụ tùng	4.70 - 15.50	9.1	-19.5%
5	TXM	Xây dựng và Vật liệu	3.30 - 13.20	10.9	-16.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
32.4%	40.9	19.90 - 40.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	ARM
28.0%	19.2	9.10 - 20.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MAC
26.6%	115.2	69.90 - 143.00	Thực phẩm và đồ uống	HHC
22.0%	12.2	5.20 - 15.70	Xây dựng và Vật liệu	PTD
20.7%	36.2	23.00 - 40.40	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	GDW

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PTX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.10 - 2.50	1.2	-52.0%
2	TDS	Tài nguyên Cơ bản	9.00 - 39.20	16.7	-49.8%
3	MFS	Viễn thông	21.90 - 76.50	50.9	-31.5%
4	PIV	Bất động sản	1.10 - 7.70	3.7	-31.5%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	5.50 - 9.40	5.5	-29.5%

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
71.6%	13.9	2.90 - 13.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CDH
60.9%	10.3	4.20 - 21.30	Tài nguyên Cơ bản	SQC
60.7%	13.5	7.10 - 15.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BBH
59.4%	11.0	4.60 - 12.80	Du lịch và Giải trí	SRT
56.4%	12.2	4.50 - 14.50	Du lịch và Giải trí	HRT

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	IMP	IMEXPHARM	Y tế	5,411.5	155.6	75.3	52.10 - 76.40	3.2
2	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	24,442.9	144.1	16.2	12.30 - 17.35	2.5
3	DRC	Cao su Đà Nẵng	Ô tô và phụ tùng	83,848.7	143.5	34.1	20.45 - 38.15	-0.9
4	SMC	Đầu tư Thương mại SMC	Tài nguyên Cơ bản	42,004.6	93.3	18.2	8.86 - 19.30	4.6
5	SJS	SUDICO	Bất động sản	2,762.9	72.5	63.0	40.80 - 82.40	0.3
6	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	3,908.0	71.4	52.0	45.55 - 61.50	-1.1
7	BIC	Bảo hiểm BIDV	Bảo hiểm	4,418.0	69.2	35.5	22.70 - 39.00	2.2
8	ITA	Đầu tư CN Tân Tạo	Bất động sản	15,572.8	63.5	5.2	4.65 - 7.50	-0.4
9	TEG	TECGROUP	Bất động sản	2,049.4	59.7	9.4	8.00 - 11.40	-3.6
10	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	Bất động sản	17,420.9	56.4	11.5	8.00 - 15.00	0.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

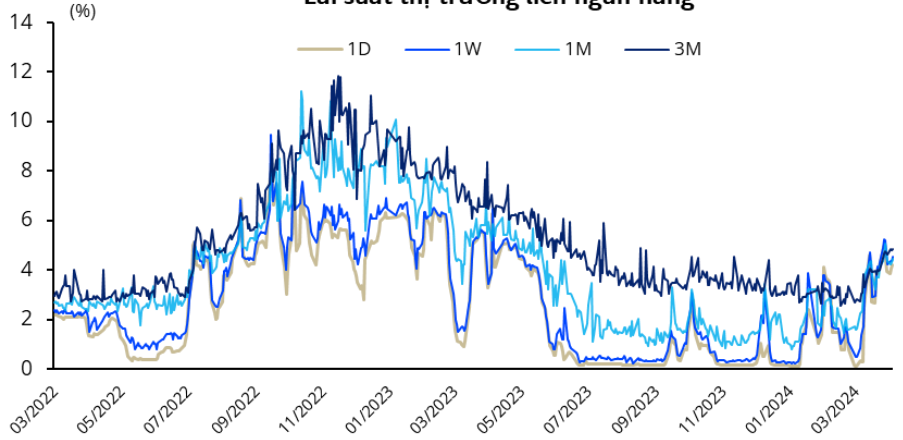
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	106.00	0.2	1.3	1.4	4.6	
VND/USD	25,450	0.0	0.0	2.7	4.9	
KRW/USD	1,376.50	-0.8	1.3	2.3	6.9	
JPY/USD	160.89	0.7	2.4	6.3	14.1	
EUR/USD	0.93	0.0	1.5	0.9	3.2	
SGD/USD	1.36	0.2	0.6	0.5	2.8	
CNY/USD	7.27	0.1	0.3	0.5	2.3	

Hàng hóa

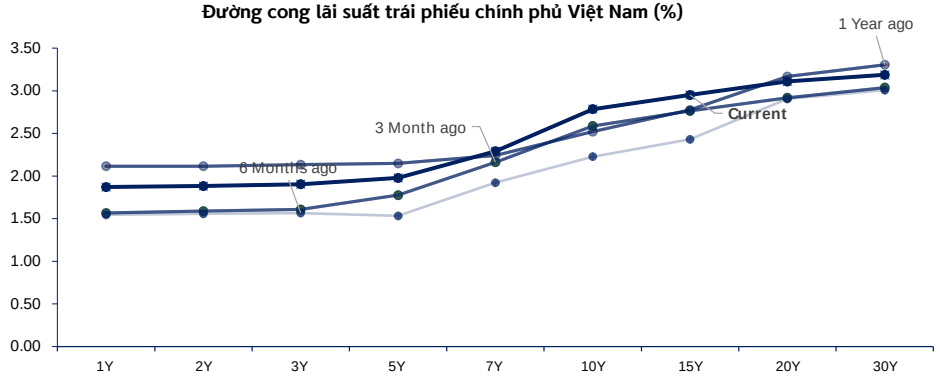
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	82.43	2.1	3.3	-0.9	15.0	
Xăng	255.30	1.6	1.8	-7.5	21.4	
Gas	2.72	0.5	4.9	54.2	8.1	
Than	132.75	-0.9	-7.0	2.9	-9.3	
Vàng	2,327.12	0.2	-1.4	4.4	12.8	
Bạc	29.20	-1.2	-9.0	17.0	22.7	
Platinum	1,003.59	0.9	-5.7	10.1	1.2	
Quặng sắt	106.51	-0.6	-9.5	-3.0	-21.9	
Thép cán	3,708.00	-1.2	-3.7	-1.5	-9.1	
Lúa mì	557.50	-0.7	-20.4	-0.5	-11.2	
Ngô	415.75	-4.4	-10.1	-5.9	-11.8	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.87	1.88	1.90	1.98	2.29	2.79	2.95	2.76	2.43
Thay đổi (BPS)*	0.80	0.80	0.80	1.90	3.20	1.70	0.10	0.00	0.30

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.